

Số: 2001/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ các địa phương theo cơ chế hỗ trợ
tại Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh về việc quy định cơ chế hỗ trợ để khuyến khích các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 1381/STC-NSHX ngày 21/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Sở Tài chính trích 123 tỷ đồng; trong đó: Trích từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2013 được UBND tỉnh phân bổ để hỗ trợ xã về đích đầu tiên (tại Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 15/01/2013) còn lại, số tiền: 01 tỷ đồng; trích từ nguồn vốn nông thôn mới năm 2014 thu hồi từ các địa phương (theo Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh), số tiền: 46,973 tỷ đồng; trích ứng trước nguồn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016, số tiền: 75,027 tỷ đồng, để hỗ trợ cho các địa phương theo cơ chế hỗ trợ tại Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các địa phương được hỗ trợ nguồn vốn có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, phát huy hiệu quả và thực hiện thanh, quyết toán nguồn vốn đúng quy định hiện hành.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh, các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, quản lý nguồn vốn đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

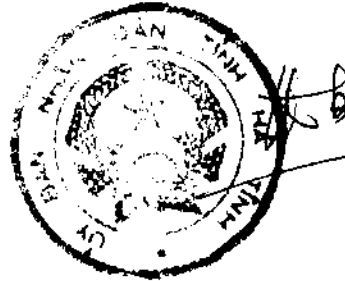
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND các xã có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Ban Chỉ đạo, VPĐP TW xây dựng NTM (để b/c);
 - Bí thư Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ban KTNS - HĐND tỉnh;
 - Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Các phòng CM VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TKCT, NL₁.
- Gửi: Văn bản giấy (60b).

UORE

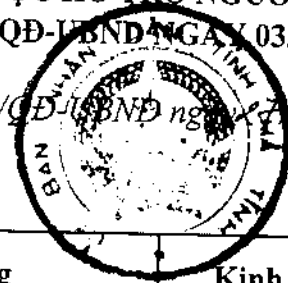
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

**DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HỖ TRỢ NGUỒN VỐN THEO CƠ CHẾ QUY
ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3330/QĐ-UBND NGÀY 03/11/2014 CỦA UBND TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 15/2015 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung, địa phương	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
I	Xã đạt chuẩn NTM năm 2014 (19 xã)	38.000	
1	Huyện Kỳ Anh	4.000	
-	Xã Kỳ Trung	2.000	
-	Xã Kỳ Phương	2.000	
2	Huyện Cẩm Xuyên	4.000	
-	Xã Cẩm Thăng	2.000	
-	Xã Cẩm Thành	2.000	
3	Thành phố Hà Tĩnh	2.000	
-	Xã Thạch Môn	2.000	
4	Huyện Thạch Hà	4.000	
-	Xã Thạch Tân	2.000	
-	Xã Thạch Long	2.000	
5	Huyện Can Lộc	4.000	
-	Xã Thanh Lộc	2.000	
-	Xã Khánh Lộc	2.000	
6	Huyện Đức Thọ	4.000	
-	Xã Trường Sơn	2.000	
-	Xã Yên Hồ	2.000	
7	Huyện Nghi Xuân	4.000	
-	Xã Xuân Mỹ	2.000	
-	Xã Xuân Viên	2.000	
8	Huyện Hương Sơn	4.000	
-	Xã Sơn Kim 1	2.000	
-	Xã Sơn Châu	2.000	
9	Huyện Hương Khê	4.000	
-	Xã Gia Phố	2.000	
-	Xã Hương Trà	2.000	
10	Huyện Vũ Quang	2.000	
-	Xã Hương Minh	2.000	
11	Huyện Lộc Hà	2.000	
-	Xã Thạch Bằng	2.000	

TT	Nội dung, địa phương	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
II	Xã dưới 03 tiêu chí đạt tối thiểu 05 tiêu chí (có 13 xã)	26.000	
1	Huyện Kỳ Anh	2.000	
-	Xã Kỳ Thịnh	2.000	
2	Huyện Thạch Hà	2.000	
-	Xã Thạch Đinh	2.000	
3	Huyện Đức Thọ	2.000	
-	Xã Tân Hương	2.000	
4	Huyện Hương Sơn	2.000	
-	Xã Sơn Hồng	2.000	
5	Huyện Hương Khê	14.000	
-	Xã Hà Linh	2.000	
-	Xã Hương Vĩnh	2.000	
-	Xã Hương Giang	2.000	
-	Xã Phúc Đồng	2.000	
-	Xã Hương Lâm	2.000	
-	Xã Hương Liên	2.000	
-	Xã Lộc Yên	2.000	
6	Huyện Vũ Quang	2.000	
-	Xã Hương Điền	2.000	
7	Huyện Lộc Hà	2.000	
-	Xã Tân Lộc	2.000	
III	Xã từ 03 - 04 tiêu chí đạt thêm tối thiểu 2 tiêu chí (có 24 xã)	36.000	
1	Huyện Kỳ Anh	6.000	
-	Xã Kỳ Tây	1.500	
-	Xã Kỳ Hà	1.500	
-	Xã Kỳ Sơn	1.500	
-	Xã Kỳ Hợp	1.500	
2	Huyện Cẩm Xuyên	3.000	
-	Xã Cẩm Dương	1.500	
-	Xã Cẩm Lộc	1.500	
3	Huyện Thạch Hà	4.500	
-	Xã Thạch Liên	1.500	
-	Xã Bắc Sơn	1.500	
-	Xã Thạch Bàn	1.500	

TT	Nội dung, địa phương	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
4	Huyện Can Lộc	4.500	
-	Xã Gia Hạnh	1.500	
-	Xã Phú Lộc	1.500	
-	Xã Thuận Thiện	1.500	
5	Huyện Đức Thọ	3.000	
-	Xã Đức Dũng	1.500	
-	Xã Đức An	1.500	
6	Huyện Hương Sơn	3.000	
-	Xã Sơn Trà	1.500	
-	Xã Sơn Thủy	1.500	
7	Huyện Hương Khê	7.500	
-	Xã Hương Thủy	1.500	
-	Xã Hòa Hải	1.500	
-	Xã Hương Xuân	1.500	
-	Xã Phương Điền	1.500	
-	Xã Phương Mỹ	1.500	
8	Huyện Vũ Quang	3.000	
-	Xã Hương Thọ	1.500	
-	Xã Hương Quang	1.500	
9	Huyện Lộc Hà	1.500	
-	Xã Phù Lưu	1.500	
IV	Xã từ 05 - 06 tiêu chí đạt thêm tối thiểu 02 tiêu chí (có 23 xã)	23.000	
1	Huyện Kỳ Anh	6.000	
-	Xã Kỳ Thượng	1.000	
-	Xã Kỳ Lạc	1.000	
-	Xã Kỳ Phong	1.000	
-	Xã Kỳ Xuân	1.000	
-	Xã Kỳ Khang	1.000	
-	Xã Kỳ Trinh	1.000	
2	Thành phố Hà Tĩnh	1.000	
-	Xã Thạch Hưng	1.000	
3	Huyện Thạch Hà	2.000	
-	Xã Thạch Điền	1.000	
-	Xã Thạch Hội	1.000	
4	Huyện Can Lộc	1.000	
-	Xã Kim Lộc	1.000	

TT	Nội dung, địa phương	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
5	Huyện Đức Thọ	1.000	
-	Xã Đức La	1.000	
6	Huyện Nghi Xuân	2.000	
-	Xã Xuân Trường	1.000	
-	Xã Xuân Liên	1.000	
7	Huyện Hương Sơn	4.000	
-	Xã Sơn Long	1.000	
-	Xã Sơn Bình	1.000	
-	Xã Sơn Lĩnh	1.000	
-	Xã Sơn Hàm	1.000	
8	Huyện Hương Khê	1.000	
-	Xã Hương Đô	1.000	
9	Huyện Vũ Quang	1.000	
-	Xã Sơn Thọ	1.000	
10	Huyện Lộc Hà	4.000	
-	Xã Thạch Mỹ	1.000	
-	Xã Bình Lộc	1.000	
-	Xã Hồng Lộc	1.000	
-	Xã Thịnh Lộc	1.000	
	Tổng cộng	123.000	

10/06 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH